

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Công ty: **Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (VNCS)**

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: F301, tầng 3 Tòa nhà TTTM Grand Plaza, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3926 0099

Fax: (84-4) 3926 3411

Người công bố thông tin: **Hoàng Xuân Hùng**

Địa chỉ: F301, tầng 3 Tòa nhà TTTM Grand Plaza, Số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 926 00 99

Fax:

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 đã soát xét;
2. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2018 đã soát xét;

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/8 /2018 tại đường dẫn: <http://vn-cs.com/> của công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS, TGD (để b/c);
- Lưu VP.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 đã soát xét;
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên năm 2018 đã soát xét;

Người công bố thông tin
Chu tịch HĐQT



Hoàng Xuân Hùng

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Địa chỉ: F301, Tòa nhà Trung tâm thương mại Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 27

C. P.
C. TY
H. H. H.
KHO. A.
KI. THI. ET
NAM
- T. P.

28. C.
TY
H. H. H.
DINH T.
NAM
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Hùng	Chủ tịch
Ông Wang Wei ya	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Ông Li You Mu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2018)
Bà Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thành Lê	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/07/2018)
Bà Nguyễn Quỳnh Anh	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/06/2018)
Ông Đỗ Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/04/2018)
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/07/2018)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chứng khoán. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM



Nguyễn Thành Lê

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

Số: 508 -18/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/08/2018, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam tại ngày 30/06/2018, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chứng khoán.



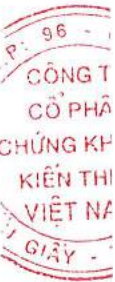
Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Mẫu số B01a-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	100		28.158.759.902	32.885.919.101
I. Tài sản tài chính	110		27.534.989.210	32.569.126.094
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.	4.351.443.590	32.351.156.413
1.1. Tiền	111.1		4.351.443.590	3.215.269.746
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		-	29.135.886.667
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112		-	-
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.1	23.000.000.000	-
4. Các khoản cho vay	114	V.3.2	3.381.271	-
7. Các khoản phải thu	117	V.5.	61.315.069	-
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		61.315.069	-
7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	117.3		-	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		61.315.069	-
8. Trả trước cho người bán	118	V.4.	118.849.280	40.699.679
12. Các khoản phải thu khác	122	V.5.	-	177.270.002
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		623.770.692	316.793.067
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6.	382.472.025	89.437.673
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		241.217.564	227.355.334
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		81.103	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		12.725.739.077	12.071.687.620
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.283.742.405	7.820.358.796
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	3.576.780.732	3.777.781.147
- Nguyên giá	222		6.282.653.575	6.282.653.575
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(2.705.872.843)	(2.504.872.428)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	4.706.961.673	4.042.577.649
- Nguyên giá	228		6.276.822.000	5.310.322.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(1.569.860.327)	(1.267.744.351)
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	250		4.441.996.672	4.251.328.824
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.10.	1.117.985.800	490.366.800
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.6.	2.029.916.741	2.492.644.143
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.7.	1.294.094.131	1.268.317.881
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.884.498.979	44.957.606.721

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

Mẫu số B01a-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		607.149.479	685.060.618
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		607.149.479	685.060.618
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.14.	82.957.150	8.000.950
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	V.15.	66.000.000	66.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.16.	119.439.451	193.936.146
11. Phải trả người lao động	323		271.286.760	413.103.021
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.17.	67.466.118	501
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.18.	-	4.020.000
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		40.277.349.500	44.272.546.103
I. Vốn chủ sở hữu	410		40.277.349.500	44.272.546.103
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		60.000.000.000	60.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông	411.1a		60.000.000.000	60.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.20.	(19.722.650.500)	(15.727.453.897)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		(19.722.650.500)	(15.727.453.897)
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		40.884.498.979	44.957.606.721

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018
 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết				
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.21.	6.000.000	6.000.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.11.	303.860.500.000	120.829.930.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		246.549.900.000	64.617.830.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4	V.11.	56.000.000.000	56.000.000.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	V.11.	1.310.600.000	212.100.000
f. Tài sản tài chính chờ vay	021.6		-	-
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.12.	476.250.000	83.377.080.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự cho chuyển nhượng	022.1	V.12.	476.250.000	83.377.080.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	V.13.	22.190.532.206	6.010.946.614
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		3.762.883.334	3.345.760.414
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch	029		18.427.648.872	2.665.186.200
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.19.	22.190.532.206	6.010.946.614
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		6.579.390.504	2.280.901.986
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		15.611.141.702	3.730.044.628

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thành Lê

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02		310.303.977	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		787.995	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		631.881.508	45.350.734
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	1.340.000.000
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		9.780.579	9.169.005
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		360.000.000	-
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11		77.688.703	87.514.295
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 ->11)	20	VI.1	1.390.442.762	1.482.034.034
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		739.274.510	337.760.565
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		36.839.887	45.699.046
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32		9.341.159	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 ->32)	40	VI.2	785.455.556	383.459.611
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.3	20.670.156	2.816.403
3.3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư và công ty con, liên kết, liên doanh	43		-	-
3.4. Doanh thu khác về đầu tư	44		504.950.796	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		525.620.952	2.816.403
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.4	5.125.984.761	3.737.732.056
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	70		(3.995.376.603)	(2.636.341.230)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71		180.000	-
8.2 Chi phí khác	72		-	-
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		180.000	-
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		(3.995.196.603)	(2.636.341.230)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(3.995.196.603)	(2.636.341.230)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	200		(3.995.196.603)	(2.636.341.230)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500		(666)	(439)
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		(666)	(439)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thành Lê

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	01		(3.995.196.603)	(2.636.341.230)
2. Điều chỉnh cho các khoản	02		(22.504.561)	103.574.759
- Khấu hao tài sản cố định	03		503.116.391	106.391.162
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(525.620.952)	(2.816.403)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(23.515.356.361)	(1.008.905.448)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(23.000.000.000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(3.381.271)	-
- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		(61.315.069)	-
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		-	(940.000.000)
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		177.270.002	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		-	(15.256.709)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		67.465.617	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		169.693.050	(207.520.898)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(3.193.401)	74.708.621
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(74.496.695)	20.874.546
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(141.816.261)	67.742.401
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(4.020.000)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(641.562.333)	(9.453.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(27.533.057.525)	(3.541.671.919)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(966.500.000)	(2.053.000.000)
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		499.844.702	2.816.403
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(466.655.298)	(2.050.183.597)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)	90		(27.999.712.823)	(5.591.855.516)
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	101		32.351.156.413	17.769.211.621
- Tiền	102		3.215.269.746	17.769.211.621
- Các khoản tương đương tiền	102.1		29.135.886.667	-
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103		4.351.443.590	12.177.356.105
- Tiền	104		4.351.443.590	12.177.356.105
- Các khoản tương đương tiền	104.1		-	-

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA
KHÁCH HÀNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		101.375.592.086	14.617.997.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(287.658.422.949)	(9.801.389.200)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		201.816.654.759	15.585.323.486
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		-	(19.307.921.506)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(9.010.444)	-
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		654.772.140	-
<i>Tặng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		16.179.585.592	1.094.010.180
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		6.010.946.614	942.621.728
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		6.010.946.614	942.621.728
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		3.345.760.414	908.501.728
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34		2.665.186.200	34.120.000
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		22.190.532.206	2.036.631.908
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		22.190.532.206	2.036.631.908
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		3.762.883.334	1.735.259.908
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		18.427.648.872	301.372.000
<i>Trong đó có kỳ hạn</i>			-	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thành Lê

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Địa chỉ: F301, Tòa nhà Trung tâm thương mại Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Mẫu số B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		01/01/2017		01/01/2018		Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	30/06/2017	30/06/2018
I. Biến động vốn chủ sở hữu									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		35.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	60.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		35.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	60.000.000.000
8. Lợi nhuận chưa phân phối		(8.880.983.858)	(15.727.453.897)	-	2.636.341.230	-	3.995.196.603	(11.517.325.088)	(19.722.650.500)
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(8.880.983.858)	(15.727.453.897)	-	2.636.341.230	-	3.995.196.603	(11.517.325.088)	(19.722.650.500)
Cộng		26.119.016.142	44.272.546.103	-	2.636.341.230	-	3.995.196.603	23.482.674.912	40.277.349.500

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Kế toán trưởng

Người lập biểu



(Signature)

(Signature)

Nguyễn Thành Lê

Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thanh Minh

(Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

12
 G T
 H
 K
 T H
 N
 20
 O N
 A H
 E N
 T
 Á Y

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Chứng khoán Kiến thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty CP Chứng khoán Phương Hoàng theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016, được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009, số 11/GPĐC-UBCK ngày 23/05/2016 và số 31/GPĐC-UBCK ngày 28/07/2017 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế TP. Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008 và cấp lại ngày 31/10/2016.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK về tăng vốn điều lệ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/07/2017 thì vốn điều lệ của Công ty là **60.000.000.000 đồng** (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 6 ngày 31/07/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: F301, Tòa nhà Trung tâm thương mại Grand Plaza 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán./.

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - + Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - + Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp vào dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
- + Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
 - + Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).
- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 (Thông tư 210) của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

334/2016/TT-BTC (Thông tư 334) ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, Chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty chứng khoán

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán (của Công ty chứng khoán) được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Tiền gửi của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư là tiền gửi của khách hàng để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý.

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán

Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán là tiền gửi để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giữa Công ty và khách hàng theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán để thanh toán mua, bán chứng khoán.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động, “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý”.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Các khoản mà người nắm giữ có thể thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 “Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán”, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

- Máy móc thiết bị
- Tài sản cố định khác

Thời gian khấu hao <năm>

02 - 05
02

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định vô hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán", Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.
Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 05 năm.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán các tài sản tài chính.
- Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

5. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ trên khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trong năm.

Tại thời điểm 30/06/2018, Công ty không có các khoản nợ phải thu quá hạn phải xem xét lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và chi phí khác liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, chi phí thi công lắp đặt nội thất Văn phòng và mua máy móc thiết bị và chi phí khác chờ phân bổ, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân loại các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán, phải trả cổ tức và phải trả khác

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán là khoản phải trả tiền gửi của các nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý cho khách hàng thông qua tài khoản chuyên dụng mở tại Ngân hàng thương mại. Các giao dịch này bao gồm cả nghiệp vụ margin, repo, ứng trước tiền bán các tài sản tài chính. Các khoản phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí giao dịch chứng khoán, dịch vụ lưu ký, đường truyền và chi phí phải trả khác.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ của Công ty.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ/hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ (môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, ủy thác đầu tư,...)

Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác là các khoản phải trả phải nộp khác không phải trả, được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý của Công ty

Chi phí quản lý của Công ty gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho công tác quản lý; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

V. Quản trị về rủi ro tài chính đối với Công ty

1. Thuyết minh chung định tính và định lượng về rủi ro tài chính đối với Công ty

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh toán. Chính sách quản lý rủi ro tài chính chung của Công ty tập trung vào việc dự đoán các biến động không mong muốn của thị trường và tập trung làm giảm các tác động xấu đối với kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty.

2. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh toán bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

3. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm tiền gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa được lợi nhuận thu được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

V. Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền	4.351.443.590	3.215.269.746
Tiền mặt tại quỹ	3.460.585.000	-
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán	890.858.590	3.215.269.746
Các khoản tương đương tiền	-	29.135.886.667
Cộng	4.351.443.590	32.351.156.413

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
a) Khối lượng giao dịch của Công ty	-	-
- Cổ phiếu	-	-
b) Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư	19.789.958	422.301.134.200
- Cổ phiếu	19.789.958	422.301.134.200

3. Các loại tài sản tài chính**3.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (*)	20.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng (**)	3.000.000.000	-
Cộng	23.000.000.000	-

(*) Hợp đồng tiền gửi kỳ hạn, rút vốn linh hoạt số 15062018/HDTG/HDB-CTCP CK Kiến Thiết Việt Nam ngày 15/06/2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - PGD Thủ Đức kỳ hạn 6 tháng, lãi suất: 6,5%/năm.

(**) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 15062018-01/BIDV.HTH-VNCS/HDTG ngày 15/06/2018 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành kỳ hạn 13 tháng, lãi suất: 6,4%/năm.

3.2 Các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Hoạt động ứng trước tiền bán cho khách hàng (*)	3.381.271	3.381.271	-	-
Cộng	3.381.271	3.381.271	-	-

(*): Là các khoản tiền Công ty cho khách hàng vay ứng trước tiền bán. Đến ngày T+2, tiền bán chứng khoán của khách hàng về Công ty sẽ thu lại khoản tiền ứng trước tiền đó.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	22.000.000	22.000.000
Công ty Cổ phần Trateco	83.427.511	-
Các đối tượng khác	13.421.769	18.699.679
Cộng	118.849.280	40.699.679

5. Các khoản phải thu	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Phải thu, dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	61.315.069	-
Các khoản phải thu khác	-	177.270.002
Cộng	61.315.069	177.270.002

6. Chi phí trả trước	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>382.472.025</i>	<i>89.437.673</i>
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	382.472.025	89.437.673
<i>b) Dài hạn</i>	<i>2.029.916.741</i>	<i>2.492.644.143</i>
Chi phí thi công lắp đặt nội thất Văn phòng và mua máy móc thiết bị	1.999.801.109	2.479.753.372
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	30.115.632	12.890.771
Cộng	2.412.388.766	2.582.081.816

7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	742.761.256	742.761.256
Tiền lãi phân bổ trong năm	431.332.875	405.556.625
Cộng	1.294.094.131	1.268.317.881

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: VND			
	Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số dư ngày 01/01/2018		6.192.779.575	89.874.000	6.282.653.575
Số dư ngày 30/06/2018		6.192.779.575	89.874.000	6.282.653.575

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2018	2.414.998.428	89.874.000	2.504.872.428
Khấu hao trong kỳ	201.000.415	-	201.000.415
Số dư ngày 30/06/2018	2.615.998.843	89.874.000	2.705.872.843
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	3.777.781.147	-	3.777.781.147
Tại ngày 30/06/2018	3.576.780.732	-	3.576.780.732

*Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.338.103.813 đồng.***9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2018	5.310.322.000	5.310.322.000
Đầu tư, thiết kế, lắp đặt phần mềm	966.500.000	966.500.000
Số dư ngày 30/06/2018	6.276.822.000	6.276.822.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2018	1.267.744.351	1.267.744.351
Khấu hao trong kỳ	302.115.976	302.115.976
Số dư ngày 30/06/2018	1.569.860.327	1.569.860.327
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	4.042.577.649	4.042.577.649
Tại ngày 30/06/2018	4.706.961.673	4.706.961.673

*Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 900.633.000 đồng.***10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	490.366.800	490.366.800
Nguyễn Trường Vinh	617.760.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	9.859.000	-
Cộng	1.117.985.800	490.366.800

11. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

<u>Tài sản tài chính</u>	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	246.549.900.000	64.617.830.000
2. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	56.000.000.000	56.000.000.000
3. Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.310.600.000	212.100.000
Cộng	303.860.500.000	120.829.930.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***12. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư**

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
1. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	476.250.000	83.377.080.000

13. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	22.190.532.206	6.010.946.614
1.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	3.762.883.334	3.345.760.414
1.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	18.427.648.872	2.665.186.200
Cộng	22.190.532.206	6.010.946.614

14. Phải trả người bán

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Viễn thông Intercom Việt Nam	72.600.000	-
Công ty CP Phát triển công nghệ Trường Phát	8.000.000	8.000.000
Các đối tượng khác	2357150	950
Cộng	82.957.150	8.000.950

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Cavico giao thông	66.000.000	66.000.000
Cộng	66.000.000	66.000.000

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	119.439.451	193.936.146
Cộng	119.439.451	193.936.146

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

17. Chi phí phải trả	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí giao dịch chứng khoán	35.086.521	-
Chi phí khác	32.379.597	501
Cộng	67.466.118	501
18. Phải trả, phải nộp khác	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	3.990.000
Các khoản phải trả khác	-	30.000
Cộng	-	4.020.000
19. Phải trả Nhà đầu tư	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	22.190.532.206	6.010.946.614
- Nhà đầu tư trong nước	6.579.390.504	2.280.901.986
- Nhà đầu tư nước ngoài	15.611.141.702	3.730.044.628
Cộng	22.190.532.206	6.010.946.614
20. Lợi nhuận chưa phân phối	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(19.722.650.500)	(15.727.453.897)
Cộng	(19.722.650.500)	(15.727.453.897)
21. Cổ phiếu đang lưu hành	30/06/2018 Cổ phiếu	01/01/2018 Cổ phiếu
Loại <= 1 năm	6.000.000	6.000.000
Cộng	6.000.000	6.000.000
VI. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ		
1. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	631.881.508	45.350.734
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	787.995	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	310.303.977	1.340.000.000
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	360.000.000	-
Doanh thu lưu ký chứng khoán	9.780.579	9.169.005
Thu nhập hoạt động khác	77.688.703	87.514.295
Cộng	1.390.442.762	1.482.034.034
2. Chi phí hoạt động	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	739.274.510	337.760.565
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	36.839.887	45.699.046
Chi phí các dịch vụ khác	9.341.159	-
Cộng	785.455.556	383.459.611
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	20.670.156	2.816.403
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	504.950.796	-
Cộng	525.620.952	2.816.403
4. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.336.574.688	1.500.827.040
Chi phí vật tư văn phòng	2.738.183	20.531.234
Chi phí công cụ, dụng cụ	485.517.948	42.992.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	482.980.975	106.391.162
Chi phí thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.686.364.905	1.766.600.089
Chi phí khác	128.808.062	297.390.170
Cộng	5.125.984.761	3.737.732.056

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 06 tháng 08 năm 2018

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thành Lê